

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGÔ QUYỀN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST

Ngày 22-7-2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Đức Dũng

Bà Nguyễn Thị Phương Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Lương Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Mai H; nơi cư trú: Đường L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T; nơi ĐKKHKT: Phường A, quận D, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Đường Đ, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ dân sự ly hôn, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vũ Thị Mai H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2003, chị Vũ Thị Mai H và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng ngày 25 tháng 4 năm 2003. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xuyên xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách không phù hợp. Từ năm 2018 đến nay, vợ chồng sống ly thân, độc lập về tình cảm cũng như kinh tế. Chị H xác định tình cảm vợ chồng với anh T không có khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị H và anh T có hai con chung là Nguyễn Hoài Vũ N, sinh ngày 03 tháng 11 năm 2003 và Nguyễn Minh N, sinh ngày 18 tháng 02 năm 2011. Khi ly hôn, chị H đề nghị được nuôi hai con, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H và anh T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn T có quan điểm:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2003, anh Nguyễn Văn T và chị Vũ Thị Mai H kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán Việt Nam, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng ngày 25 tháng 4 năm 2003. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xuyên xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách không phù hợp. Tuy nhiên, đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ. Năm 2018, chị H chuyển về ở cùng bố mẹ đẻ do áp lực công việc đồng thời chăm sóc, giúp bố mẹ đẻ. Anh T đề nghị chị H về đoàn tụ gia đình cùng nhau chăm sóc con cái, nhưng chị H không đồng ý. Trong lúc nóng nảy, anh T đã to tiếng với chị H. Nay chị H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T, anh T không đồng ý và đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ cho anh chị.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh T và chị H có hai con chung là Nguyễn Hoài Vũ N, sinh ngày 03 tháng 11 năm 2003 và Nguyễn Minh N, sinh ngày 18 tháng 02 năm 2011. Trường hợp chị H kiên quyết ly hôn, anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các con và giao cả hai con chung cho một người nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H và anh T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, chị H và anh T vẫn giữ nguyên quan điểm như trong quá trình giải quyết tại Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án đã thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Vũ Thị Mai H được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Hoài Vũ N, sinh ngày 03/11/2003 và Nguyễn Minh N, sinh ngày 18/02/2011 cho chị H nuôi, việc cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

Xét về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú trên địa bàn quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên tòa thứ nhất. Tại phiên tòa hôm nay ngày 22 tháng 7 năm 2020, anh T cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Điều kiện và quá trình kết hôn như chị H đã trình bày, hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng dần nứt. Mâu thuẫn càng tăng, chị H và anh T sống ly thân được hai năm không còn liên quan về tình cảm cũng như về kinh tế. Hai bên đều đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng là phải chung sống, quan tâm và có trách nhiệm với nhau quy định tại

Điều 19 của Luật Hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử nhận thấy, anh chị không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về việc nuôi con:

[4] Chị H và anh T có hai con chung là Nguyễn Hoài Vũ N, sinh ngày 03 tháng 11 năm 2003 và Nguyễn Minh N, sinh ngày 18 tháng 02 năm 2011. Anh T đề nghị giao hai con chung cho một người nuôi và theo nguyện vọng của các con. Hai con chung của anh chị cũng có đơn đề nghị được ở với chị H. Từ khi anh chị sống ly thân đến nay, chị H vẫn đảm bảo điều kiện chăm sóc, dạy bảo các con. Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao con chung cho chị H nuôi là phù hợp với quy định của pháp luật, tình hình thực tế cũng như nguyện vọng của cháu Hùng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về việc chia tài sản:

[5] Chị H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về án phí:

[6] Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 207; Điều 273; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Vũ Thị Mai H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về việc nuôi con:

Chị Vũ Thị Mai H và anh Nguyễn Văn T có hai con chung là Nguyễn Hoài Vũ N, sinh ngày 03 tháng 11 năm 2003 và Nguyễn Minh N, sinh ngày 18 tháng 02 năm 2011. Giao hai con Nguyễn Hoài Vũ N và Nguyễn Minh N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc chia tài sản:

Chị Vũ Thị Mai H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Vũ Thị Mai H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006360 ngày 20 tháng 3 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Chị Vũ Thị Mai H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- UBND phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, Hải Phòng (ĐKKH 24/4/2003);
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trung Dũng

